

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ**

Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **157/2018/DS-ST**

Ngày: 21-8-2018

V/v tranh chấp "*Hợp đồng  
vay tài sản*"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Triết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Vũ
2. Ông Phạm Hiếu Thiện

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2018/TLST-DS ngày 08/6/2018 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1759/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2018; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số: 1862/2018/QĐ-CA ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị X, sinh năm 1958. (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp ĐT, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Đặng Văn T, sinh năm 1958. (Có mặt)

Nơi cư trú: Số 60/1, ấp TL, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Trịnh Thị K, sinh năm 1960 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số 60/1, ấp TL, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 05/6/2018, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị X trình bày:***

Vào ngày 27/10/2016 bà có cho vợ chồng ông Đặng Văn T và bà Trịnh Thị K vay số tiền gốc 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, không có lãi. Ông T, bà K vay tiền của bà để chi tiêu trong gia đình như nuôi Tm, trị bệnh cho bà K nhưng sau đó không trả lại tiền cho bà, mặc dù bà đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T và bà K cứ hứa hẹn mà không trả tiền cho đến nay.

Tại phiên tòa bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Đặng Văn T và bà Trịnh Thị K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền gốc là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, trả một lần không yêu cầu tính lãi. Còn việc ông T, bà K cho rằng có đóng lãi cho bà 15 tháng với số tiền 67.500.000 đồng là hoàn toàn không có, bà không có nhận số tiền này.

Chứng cứ bà cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của bà là 01 Bản chính biên nhận nợ có chữ ký của ông Đặng Văn T. Ngoài ra bà không cung cấp chứng cứ gì thêm.

***Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị K trình bày:***

Ông bà thừa nhận hiện nay còn nợ của bà Nguyễn Thị X số tiền gốc 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, ông T có ký vào biên nhận nhưng đến nay chưa trả cho bà X số tiền này. Ông, bà cho rằng số tiền 50.000.000 đồng do bà X cho ông bà vay, tính lãi mỗi tháng 4.500.000 đồng và đã đóng lãi 15 tháng với số tiền 67.500.000 đồng, khi đóng lãi cho bà X thì ông bà không có làm giấy tờ nên cũng không có chứng cứ gì để chứng minh.

Tại phiên tòa ông bà đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho bà X số tiền gốc 50.000.000 đồng, nhưng yêu cầu được trả dần hàng tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng, trả cho đến khi hết nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Nguyễn Thị X tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Đặng Văn T theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị X với bị đơn ông Đặng Văn T được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Qua tố tụng tại Tòa án ông Đặng Văn T, bà Trịnh Thị K đã thừa nhận ông T và bà K còn nợ của bà Nguyễn Thị X số tiền gốc 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng và yêu cầu xin được trả dần hàng tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng, trả cho đến khi hết nợ.

[4] Xét việc ông T và bà K yêu cầu trả dần vào hàng tháng số tiền nợ gốc cho bà X là không có cơ sở chấp nhận, do lúc hai bên giao kết hợp đồng vay tài sản không có thỏa thuận cách thức trả dần và tại phiên tòa hôm nay bà X không đồng ý cho ông T, bà K trả dần.

[5] Còn việc ông T, bà K trình bày đã trả lãi cho bà X số tiền 67.500.000 đồng nhưng tại phiên tòa bà X không đồng ý đã nhận số tiền này và ông T, bà K cũng đã thừa nhận khi trả lãi không có làm giấy tờ với bà X và không có chứng cứ gì để chứng minh nên không có cơ sở xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình (do ông T, bà K sử dụng tiền vay vào mục đích chung cho gia đình) nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Đặng Văn T, bà Trịnh Thị K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà X số tiền là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Bà X không yêu cầu trả lãi nên không xem xét.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị X được Tòa án chấp nhận nên ông Đặng Văn T, bà Trịnh Thị K phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Số tiền án phí ông T, bà K phải liên đới nộp (50.000.000 đồng x 5%) là: 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn) đồng, nhưng ông Đặng Văn T được miễn nộp án phí do là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết này nên bà Trịnh Thị K phải nộp  $\frac{1}{2}$  số tiền án phí theo quy định là 1.250.000 (Một triệu, hai trăm năm chục nghìn) đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X. Buộc ông Đặng Văn T, bà Trịnh Thị K phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đặng Văn T được miễn nộp án phí do là người cao tuổi.

Bà Trịnh Thị K nộp: 1.250.000 (Một triệu, hai trăm năm chục nghìn) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án, để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

**Hồ Thị Triết**

